

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 28-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Quang Thập

Ông Mai Thanh Chúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Thanh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thị Hồng Nở - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thị Mỹ H (*tên gọi khác: V*), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi ĐKHKTT: 20/12, khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ruột ông Nguyễn Văn L và bà Đào Thị Mỹ V; con nuôi ông Đoàn Văn S (*chết*) và bà Lê Thị C; có chồng (*có đăng ký kết hôn*): Trần Quốc D; hiện sống chung như vợ chồng (*không đăng ký kết hôn*): Huỳnh Văn V và 04 con (*02 con với chồng và 02 con với Huỳnh Văn V*); tiền án: Không; tiền sự: 01 lần (*năm 2015 sử dụng trái phép chất ma túy bị công an thị trấn Cầu Ngang xử phạt 750.000 đồng chưa chấp hành*); bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/9/2017 đến nay, có mặt.

2. Huỳnh Văn V, sinh năm 1989 tại tỉnh Trà Vinh; T; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khóm M, thị trấn C, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T (*chết*) và bà Ngô Thị H; sống chung như vợ chồng (*không đăng ký kết hôn*): Đoàn Thị Mỹ H và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Do nhiều

lần có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 24/02/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng (*đã chấp hành xong nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính*); bị tạm giữ từ ngày 12/9/2017, chuyển sang tạm giam ngày 15/9/2017 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Văn M (*tên gọi khác: M1*), sinh ngày 24 tháng 5 năm 1999 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi ĐKKHKT: Ấp M, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (*chết*) và bà Thạch Thị H; tiền án: Không; tiền sự: 04 lần (*01 lần có hành vi trộm cắp tài sản bị phạt cảnh cáo, 03 lần có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị phạt tiền nhưng chưa chấp hành xong*); bị bắt theo Quyết định truy nã và tạm giữ từ ngày 17/10/2017, chuyển sang tạm giam ngày 20/10/2017 đến nay, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Võ Hữu T, sinh năm 1997, vắng mặt.
2. Anh Mai Hoàng P, sinh năm 1994, vắng mặt.
Cùng nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
3. Anh Dương Minh K, sinh năm 1997, có mặt.
4. Anh Trần Hoài P, sinh năm 1999, vắng mặt.
Cùng nơi cư trú: Ấp G, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
5. Chị Đỗ Ngọc Uyên V, sinh năm 1994, vắng mặt.
Nơi cư trú: Ấp C, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.
6. Anh Trần Chí T, sinh năm 1994, vắng mặt.
Nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
7. Anh Võ Văn P, sinh năm 1987, vắng mặt.
Nơi cư trú: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
8. Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 1998, vắng mặt.
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
9. Anh Phan Thanh T, sinh năm 1989, vắng mặt.
Nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 35 phút ngày 11/9/2017, tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Ngang bắt quả tang bị cáo Đoàn Thị Mỹ H đang bán 01 tép ma túy đá với giá 500.000đ cho Võ Hữu T sinh năm 1997 và Mai Hoàng P sinh năm 1994 ngụ cùng ấp C, xã V, Cơ quan điều tra đã tạm giữ tép ma túy và đưa đi giám định, tạm giữ trên người bị cáo H số tiền 4.430.000đ (*trong đó có 500.000đ bị cáo H vừa bán ma túy cho T và 3.930.000đ bị cáo H bán ma túy trước đó*). Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của bị cáo H tạm giữ thêm

35 tép ma túy đưa đi giám định và tạm giữ một số dụng cụ dùng để chứa và phân chia ma túy gồm: 02 cân điện tử; 02 cái hộp, 01 khay; 03 cái muỗng; 01 cây kéo và nhiều túi ny lon trong suốt chưa qua sử dụng và 02 điện thoại di động. Sau đó, tiến hành bắt khẩn cấp bị cáo Huỳnh Văn V và tạm giữ trên người bị cáo V 01 điện thoại di động Iphone 6 có số thuê bao là 0939226351.

Tại kết luận giám định số 325/KLGD-PC54 ngày 12/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long xác định: Tinh thể màu trắng có trong một gói nylon trong suốt có kích thước (2.5 x 2.4) cm mà Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,3167gam. Xác định tinh thể màu trắng có trong 35 gói nylon trong suốt mà Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng trọng lượng 59,0201gam.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Bị cáo H và bị cáo V sống chung với nhau như vợ chồng tại khóm M, thị trấn C, khoảng đầu năm 2017, bị cáo H và bị cáo V bàn bạc và thống nhất mua ma túy tổng hợp (*ma túy đá*) về phân chia bán lẻ để thu lợi, bị cáo Nguyễn Văn M có quen biết và ở chung với bị cáo H và V nên bị cáo M giúp cho bị cáo H và V bán ma túy để được tiền tiêu xài và ma túy sử dụng. Thông qua người quen nên bị cáo H liên lạc qua điện thoại để mua ma túy đá của người đàn ông tên H ở Thành phố Hồ Chí Minh (*không rõ địa chỉ cụ thể*), theo thỏa thuận thì bị cáo H gửi tiền cho ông H qua chành xe Kim H tại thị trấn Cầu ngang, sau đó hẹn ngày thì ông H trực tiếp đến giao ma túy tại khu vực chùa Khmer thuộc xã K, huyện C, bị cáo V là người đến nhận ma túy rồi về đưa lại cho bị cáo H. Khoảng tháng 02 đến tháng 4 năm 2017, bị cáo H và bị cáo V thừa nhận đã mua ma túy của ông H 03 lần, mỗi lần 30gam với tổng số tiền là 55.800.000đ. Sau khi có ma túy bị cáo H phân lẻ với các giá trị khác nhau như sau: Tép có giá trị 200.000đ tương ứng 0,13g; 300.000đ là 0,2g; 500.000đ là 0,3g; 900.000đ là 0,6g rồi bị cáo H cùng bị cáo V bán cho những người nghiện ma túy trên địa bàn huyện C, huyện D và thị xã D. Thời gian này khi người mua điện thoại cho bị cáo H và V thì bị cáo H và V lấy ma túy đưa cho bị cáo M để bị cáo M giao cho người mua và lấy tiền đưa lại cho bị cáo H và V. Bị cáo M đã giao ma túy cho 07 người mua với 12 tép lớn nhỏ, tương đương 1,8g với số tiền 2.790.000đ nhưng Cơ quan điều tra chỉ chứng minh được bị cáo M giao ma túy cho 04 người mua khoảng 1,34g với tổng số tiền 2.090.000đ gồm: Dương Nhật D mua 05 lần 0,65g với số tiền 1.000.000đ, Nguyễn Hoàng L mua 01 lần 0,13g số tiền 200.000đ, Huỳnh Xuân T mua 02 lần 0,26g số tiền 390.000đ, Trần T mua 01 lần 0,3g số tiền 500.000đ. Đối với 03 người mua còn lại là Lê Hữu T, Dương Công Ti và Nguyễn Ngọc H đã bỏ địa phương không rõ địa chỉ cụ thể nên không xác minh được.

Sau khi bán hết số ma túy trên, do không liên lạc được với ông H nên bị cáo H thông qua người bạn là Phan Thanh T xin số điện thoại của chị H ngụ tại Thành phố Hồ Chí Minh (*không rõ địa chỉ cụ thể*) để mua ma túy. Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến đầu tháng 8 năm 2017, bị cáo H và V thừa nhận mua ma túy của chị H 03 lần là 60g với tổng số tiền 39.000.000đ (*trong đó lần đầu bị cáo H nhờ T đặt mua ma túy dùm 20g nhưng T không thừa nhận*). Sau khi có ma túy thì bị cáo H phân lẻ thành nhiều tép nhỏ có các giá trị như nêu trên rồi cùng bị cáo V và bị cáo M bán cho nhiều

người khác sử dụng, nhưng bị cáo V không còn nhớ tên người mua, riêng bị cáo H và M đã bán cho 05 người mua với 20 tép ma túy lớn, nhỏ tương đương 10,7g với số tiền 13.000.000đ, tuy nhiên chỉ chứng minh được 02 người mua khoảng 9,9g với tổng số tiền 11.700.000đ (*trong đó bị cáo H trực tiếp bán cho bị cáo M 04 lần với 9,6g số tiền là 11.200.000đ, bị cáo M giúp bị cáo H và V bán cho Võ Văn P 01 lần 0,3g với số tiền 500.000đ*). Riêng đối với 03 người mua khác là Tỉnh ngụ huyện D, P ngụ xã N, huyện D và Phúc ngụ xã L do không địa chỉ cụ thể nên không xác minh được.

Khoảng cuối tháng 8 năm 2017, do không liên lạc được với chị H nên bị cáo H tiếp tục thông qua Phan Thanh T xin số điện thoại của Nguyễn Khắc N (*tên gọi khác là C*) ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bị cáo H mua ma túy của N 50g với giá 30.000.000đ, bị cáo H phân chia thành nhiều tép nhỏ rồi cùng bị cáo V bán cho rất nhiều người sử dụng và bán khoảng 10 ngày thì hết 50g ma túy, nhưng Cơ quan điều tra chỉ chứng minh được bị cáo H và V bán cho 02 người mua khoảng 0,8g với tổng số tiền 1.300.000đ (*Võ Hữu T mua 02 lần 0,6g với số tiền 1.000.000đ do bị cáo V giao cho T, Trần Chí T mua 01 lần 0,2g với số tiền 300.000đ do bị cáo H giao cho T*).

Đến ngày 02/9/2017, bị cáo H tiếp tục điện thoại cho N đặt mua 50g ma túy đã với giá 30.000.000đ. Khoảng 16 giờ ngày 03/9/2017 bị can V một mình điều khiển xe mô tô biển số 84E1-314.95 đến quán cafe của Thạch Như N thuộc khóm M, thị trấn C nhận ma túy từ một người thanh niên khoảng 27 tuổi rồi mang về đưa lại cho bị cáo H, sau đó H đến cửa hàng Viettel Cầu N chuyển số tiền 30.000.000đ cho N, khi có ma túy bị cáo H phân chia ra thành 20 tép, mỗi tép chứa 2,4g và 01 tép chứa 2g rồi cùng bị cáo V và bị cáo M bán cho nhiều người sử dụng. Khoảng hơn 15 giờ ngày 11/9/2017, đã bán hết 15 tép chứa 2,4g/tép và 01 tép chứa 2g ma túy được tổng số tiền là 47.100.000đ, nhưng Cơ quan điều tra chỉ chứng minh được bị cáo H V và bị cáo M bán tổng cộng là 1,26g với số tiền 2.000.000đ (*bị cáo H bán cho 03 người: Võ Hữu T 01 lần 0,2g số tiền 300.000đ, Võ Văn P 01 lần 0,3g số tiền 500.000đ, Trần Chí T 01 lần 0,2g số tiền 300.000đ; bị cáo V bán cho Dương Minh K 01 lần 0,13g số tiền 200.000đ; bị cáo M bán cho 02 người gồm: Đỗ Ngọc Uyên V 01 lần 0,3g số tiền 500.000đ, Dương Minh K 01 lần 0,13g số tiền 200.000đ*). Số ma túy còn lại là 05 tép, mỗi tép chứa 2,4g, lúc này bị cáo H tiếp tục phân chia 05 tép ma túy này ra thành nhiều tép nhỏ khác nhau có các giá trị 200.000đ, 300.000đ, 500.000đ và 900.000đ, đồng thời kêu bị cáo V đi nhận thêm 50g ma túy mà bị cáo H đã đặt mua của N trước đó vào ngày 10/9/2017. Khoảng 16 giờ ngày 11/9/2017 bị cáo V một mình điều khiển xe mô tô biển số 84E1-314.95 đến quán cafe của Thạch Như N nhận 50g ma túy của người thanh niên khoảng 27 tuổi rồi mang về đưa lại cho H kiểm tra và cất giấu chung với số ma túy còn lại trong tủ quần áo trong phòng ngủ, khoảng 17 giờ cùng ngày H đến cửa hàng Viettel Cầu Ngang chuyển số tiền 30.000.000đ cho N. Khoảng 17 giờ 35 phút cùng ngày, bị cáo H đang bán 01 tép ma túy với giá 500.000đ cho Võ Hữu T và Mai Hoàng P thì bị bắt quả tang và thu giữ tép ma túy đó đưa đi giám định. Số ma túy gồm 35 tép mà Cơ quan điều tra thu giữ đưa đi giám định khi khám xét khẩn cấp là gồm số ma túy còn lại mà bị cáo H đã phân chia ra thành nhiều tép nhỏ và số ma túy bị cáo V vừa nhận về cất giấu chung trong tủ quần áo trong phòng ngủ của bị cáo H.

Trong quá trình bán ma túy, do bán rất nhiều lần nên bị cáo H và bị cáo V không xác định được số tiền thu lợi từ việc bán ma túy, số tiền này đã tiêu xài hết, chỉ còn lại 4.430.000đ Cơ quan điều tra đã quản lý khi bắt quả tang.

Đối với Võ Hữu T, Mai Hoàng P, Võ Văn P, Trần Chí T, Đỗ Ngọc Uyên V và Dương Minh K có hành vi mua ma túy để sử dụng trái phép, Công an huyện Cầu Ngang đã xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Đồng thời đối với Võ Hữu T, bị cáo H còn trình bày T mua ma túy của H 03 lần với số lượng mỗi lần là 2,4g, tuy nhiên qua làm việc và đối chất không đủ cơ sở để xử lý T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Huỳnh Xuân T, Trần T, Nguyễn Hoàng L Trần Trọng N, Dương Nhật D cũng là những người mua ma túy của H và bị can Việt để sử dụng trái phép, nhưng các đối tượng này đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không ra quyết định xử lý.

Đối với Phan Thanh T là người giúp bị cáo H mua 20g ma túy của chị H nhưng qua làm việc và đối chất không đủ cơ sở xử lý T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với ông Hg, chị H và người thanh niên khoảng 27 tuổi, T ngụ huyện D, P ngụ xã N, huyện D, Phúc ngụ xã L do không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể nên không mời làm việc được.

Đối với Lê Hữu T, Nguyễn Ngọc H, Dương Công T, Phạm Minh T, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Khắc N đã bỏ địa phương, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSCN ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang đã truy tố.

Cũng tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Sau khi đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, n, r, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Mỹ H từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù.

Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, r, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V từ 09 (*chín*) năm đến 10 (*mười*) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, r, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 07 (*bảy*) năm đến 08 (*tám*) năm tù.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử tịch thu và tiêu hủy các chất ma túy và dụng cụ sử dụng mua bán ma túy không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền thu lợi bất chính và công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng theo thẩm quyền.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn Vt và Nguyễn Văn M không tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần nói lời sau cùng các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn Mạnh đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Tại phiên tòa các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng với vật chứng; lời khai của những người làm chứng; nội dung các Bản kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Các bị cáo khai nhận từ đầu năm 2017 đến ngày 11/9/2017, tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M đã nhiều lần có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều người sử dụng. Đến 17 giờ 35 phút ngày 11/9/2017, khi bị cáo H đang bán 01 tép ma túy với giá 500.000đ cho Võ Hữu T và Mai Hoàng P thì bị bắt quả tang cùng với vật chứng. Tại Kết luận giám định số 325/KLGD-PC54 ngày 12/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long xác định: Tinh thể màu trắng có trong một gói nylon trong suốt có kích thước (2.5 x 2.4) cm mà Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,3167gam. Xác định tinh thể

màu trắng có trong 35 gói nylon trong suốt mà Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng trọng lượng 59,0201gam. Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và bị cáo Nguyễn Văn M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện Cầu Ngang truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, các bị cáo nhận thức và biết được ma túy là chất nguy hiểm, độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và cũng là nguyên nhân gián tiếp gây ra các tệ nạn xã hội khác, các bị cáo đều bị nghiện ma túy nên biết rõ tác hại trực tiếp do ma túy gây ra đối với bản thân các bị cáo, gia đình và xã hội, chỉ vì ham lợi từ việc mua bán ma túy có thu nhập cao mà các bị cáo đã bất chấp xem thường pháp luật.

Vai trò của các bị cáo là đồng phạm đơn giản. Trong vụ án này bị cáo Đoàn Thị Mỹ H là người giữ vai trò chính điều hành việc mua bán ma túy, nhiều lần mua ma túy về chia nhỏ ra bán và đưa cho Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M bán cho các con nghiện kiếm lời. Đối với bị cáo Việt và bị cáo M tích cực giúp sức trong việc nhận ma túy và bán ma túy cho các con nghiện đồng thời thường xuyên tụ tập vui chơi với các phần tử nghiện ma túy và vắn thân vào nghiện ngập.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đối với bị cáo M có 01 lần có hành vi trộm cắp tài sản và trong quá trình điều tra bị cáo lại bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, phạm tội rất nghiêm trọng nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục cho bản thân các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; đối với bị cáo Đoàn Thị Mỹ H khi phạm tội là phụ nữ có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Văn M có người thân có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là rất nghiêm trọng, trọng lượng mua bán ma túy lớn nên không thể xem xét áp dụng và quyết định mức hình phạt thấp

nhất của khung hình phạt cũng như quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong mẫu vật hoàn trả số 352 ngày 12/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hữu Dự và người chứng kiến Trần Thị Hồng Thắm, có đóng dấu hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long (ký hiệu: 01); 01 (một) gói niêm phong mẫu vật hoàn trả số 352 ngày 12/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hữu Dự và người chứng kiến Trần Thị Hồng Thắm, có đóng dấu hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long (ký hiệu: 02); 01 (một) gói niêm phong số 03 ngày 11/9/2017, có chữ ký của đương sự Đoàn Thị Mỹ H, Điều tra viên Nguyễn Thanh Toàn, người chứng kiến Nguyễn Ngọc Bảo, Phó trưởng Công an Lê Thanh Trúc, có đóng dấu hình tròn của Công an thị trấn Cầu Ngang, bên trong chứa chín túi nilon trong suốt bên trong túi nilon chứa nhiều túi nilon trong suốt nhỏ, kích thước không giống nhau, chưa qua sử dụng; 02 (hai) muỗng (loại muỗng canh) bằng kim loại màu trắng, chiều dài 12,5cm, nơi rộng nhất 4,2 cm; 01 (một) muỗng (loại muỗng cà phê) bằng kim loại màu trắng, chiều dài 15,3cm, nơi rộng nhất 2,5cm; 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng có chiều dài 13,5cm; 01 (một) cái hộp bằng nhựa, màu xám tím, dạng hình trụ, có đường kính 11,5cm, chiều cao 5,6cm; 01 (một) cái hộp bằng nhựa, màu trắng, dạng hình trụ, có đường kính 5,3cm, chiều cao 4,5cm; 01 (một) cái khay bằng nhựa, màu trắng, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước 17cm x 13cm x 03cm. Đây là những vật cầm lưu hành và dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam đồng: 4.430.000 đồng (bốn triệu bốn trăm ba chục nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6 mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, có số thuê bao 0939226251, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 84E1-314.95 nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu sơn đen đỏ, số khung RLHJF5816GY664540, số máy JF66E0664584, bị trầy xước nhiều vị trí, xe đã qua sử dụng (kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014452 do Công an huyện Cầu Ngang cấp ngày 27/3/2017 mang tên Huỳnh Văn V); 01 (một) cân điện tử màu trắng đen, hình tròn, đường kính 9,7cm; 01 (một) cân điện tử màu xám trắng, hình hộp chữ nhật, kích thước 09cm x 05cm x 02cm, mặt trước có chữ Amput, mặt sau có chữ QC Pass. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính và công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1.1. Căn cứ điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, n, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Mỹ H 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.2. Căn cứ điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 17 tháng 10 năm 2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

2.1. Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam đồng: 4.430.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm ba chục nghìn đồng*); 01(*một*) điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6 mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, có số thuê bao 0939226251, đã qua sử dụng; 01 (*một*) xe mô tô biển số 84E1-314.95 nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu sơn đen đỏ, số khung RLHJF5816GY664540, số máy JF66E0664584, bị trầy xước nhiều vị trí, xe đã qua sử dụng (*kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014452 do Công an huyện Cầu Ngang cấp ngày 27/3/2017 mang tên Huỳnh Văn Việt*); 01 (*một*) cân điện tử màu trắng đen, hình tròn, đường kính 9,7cm; 01 (*một*) cân điện tử màu xám trắng, hình hộp chữ nhật, kích thước 09cm x 05cm x 02cm, mặt trước có chữ Amput, mặt sau có chữ QC Pass.

2.2 Tuyên tịch thu và tiêu hủy: 01 (*một*) gói niêm phong mẫu vật hoàn trả số 352 ngày 12/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hữu Dự và người chứng kiến Trần Thị Hồng Thắm, có đóng dấu hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long (ký hiệu: 01); 01 (*một*) gói niêm phong mẫu vật hoàn trả số 352 ngày 12/9/2017 của Phòng kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hữu Dự và người chứng kiến Trần Thị Hồng Thắm, có đóng dấu hình tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long (ký hiệu: 02; 01 (một) gói niêm phong số 03 ngày 11/9/2017, có chữ ký của đương sự Đoàn Thị Mỹ H, điều tra viên Nguyễn Thanh Toàn, người chứng kiến Nguyễn Ngọc Bảo, phó trưởng Công an Lê Thanh Trúc, có đóng dấu hình tròn của Công an thị trấn Cầu Ngang, bên trong chứa chín túi nilon trong suốt bên trong túi nilon chứa nhiều túi nilon trong suốt nhỏ, kích thước không giống nhau, chưa qua sử dụng; 02 (hai) muỗng (loại muỗng canh) bằng kim loại màu trắng, chiều dài 12,5cm, nơi rộng nhất 4,2 cm; 01 (một) muỗng (loại muỗng cà phê) bằng kim loại màu trắng, chiều dài 15,3cm, nơi rộng nhất 2,5cm; 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng có chiều dài 13,5cm; 01 (một) cái hộp bằng nhựa, màu xám tím, dạng hình trụ, có đường kính 11,5cm, chiều cao 5,6cm; 01 (một) cái hộp bằng nhựa, màu trắng, dạng hình trụ, có đường kính 5,3cm, chiều cao 4,5cm; 01 (một) cái khay bằng nhựa, màu trắng, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước 17cm x 13cm x 03cm.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Thị Mỹ H, Huỳnh Văn V và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Công an huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Mai